

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2021/HSST-QĐ

C R , ngày 02 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R , THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Gấm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thanh Trí.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú.

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy: Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can và cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được.

QUYẾT ĐỊNH:

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê V M N**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số 98/30, đường Trần Hưng Đạo, phường A N, quận N K, thành phố C T .

Những nơi đã cư trú: 26 Khu dân cư A N, phường A N, quận N K, thành phố C T .

Nghề nghiệp: Không.

Bị Viện kiểm sát nhân dân quận C R , thành phố C T truy tố về tội “*Cướp tài sản*” và “*Hiếp dâm*” theo điểm d, h khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 141 của Bộ luật hình sự;

2. Họ và tên: **Trương H T** , sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh B, xã Gia Hoà 1, huyện M X, tỉnh S T;

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Bị Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T truy tố về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Cho Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T

Để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Tại phiên tòa, trong quá trình kiểm tra căn cước của bị cáo Lê V M N thì bị cáo xác định nơi đã cư trú có địa chỉ số 26 đường 11, khu dân cư Đại học Y dược, phường A N, quận N K, thành phố C T` tuy nhiên lý lịch bị can, bản kết luận điều tra thể hiện 26 KDC A N, phường A N, quận N K, thành phố C T, cáo trạng thì không thể hiện do đó đề nghị xác minh lại nơi đã cư trú của bị cáo N có đúng nội dung đã khai tại phiên tòa hay không để xác định cho đúng và điều chỉnh cho phù hợp?

2. Tại phiên tòa, bị cáo Lê V M N xác định sau khi thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại Dương T M C thì bị cáo N đem sợi dây chuyền, đôi bông tai, chiếc nhẫn vàng đi bán tại Tiệm vàng Minh Vũ ở chợ X K , phường X K , quận N K, thành phố C T và tại biên bản ghi lời khai ngày 02/03/2021 (BL 479, 486) cũng trình bày như nội dung đã trình bày tại phiên tòa ngày 02/12/2021. Trong khi đó, nội dung cáo trạng xác định bị cáo N bán nữ trang cho ông Nguyễn Hùng Dũng (Tiệm vàng Dũng Hùng, gần chợ X K, phường X K , quận N K, thành phố C T) với số tiền 8.100.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra chưa lấy lời khai của Chủ tiệm vàng Minh Vũ để xác định việc bị cáo có bán tài sản cướp được hay không? Nếu có việc mua bán thì có biết tài sản do bị cáo N phạm tội mà có hay không để xem xét hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hay không?

3. Tại phiên tòa, bị cáo Lê V M N thừa nhận thực hiện hành vi cướp tài sản trên địa bàn thành phố C T gồm có 08 vụ liên tục trong vòng từ ngày 07/02/2021 đến 28/02/2021. Tại quận C R , quận B T, huyện P Đ thuộc thành phố C T có 05 vụ, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, vì vậy cần phải xem xét hành vi của bị cáo thực hiện có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại tình tiết định khung điểm b khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự hay không?

4. Trong quá trình điều tra, tại tờ tự khai ngày 14/05/2021 (bút lục số 441) bị cáo T khai bị cáo N thực hiện 07 vụ cướp từ ngày 10/02/2021 đến ngày 28/02/2021 những lần bị cáo N có điện thoại cho bị cáo hay và tại biên bản ghi lời khai ngày 14/05/2021 (Bút lục số 521) bị cáo T xác định trước khi thực hiện hành vi cướp tài sản bị cáo N có điện thoại cho bị cáo T và nói “anh chuẩn bị đi làm nha” ý của câu nói này bị cáo T hiểu là bị cáo N nói là đi cướp tài sản, sáu đó bị cáo có trả lời là “anh đi làm cẩn thận, coi trước, coi sau và coi camera “ý của câu nói này là bị cáo T kêu bị cáo N làm (cướp tài sản) cẩn thận công an bắt? Mặc khác, tại quá trình điều tra, tại biên bản hỏi cung ngày 01/06/2021 (Bút lục 500, 501) bị cáo N khai nhận

ngày 09/02/2020 là bị cáo T bắt đầu biết bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản vì bị cáo trực tiếp điện thoại cho bị cáo T ... Tại phiên tòa, cả hai bị cáo không thừa nhận có việc điện thoại trao đổi với nhau, bị cáo N thừa nhận số 0942200692 là của bị cáo N để liên hệ với bị cáo T, trong quá trình trả điều tra bổ sung ngày 30/09/2021 có thu thập được dữ liệu Online thể hiện bị cáo T có số thuê bao 0901436550 mà bị cáo T cho rằng liên hệ với bị cáo N qua số điện thoại 0942200692 tuy nhiên chưa trích xuất được nội dung của cuộc trao đổi đó vì vậy đề nghị thu thập nội dung trao đổi bị cáo T có số thuê bao 0901436550 liên hệ với bị cáo N qua số điện thoại 0942200692 các ngày 04, 05, 11, 14, 15, 18, 27 và 28/02/2021 có thể hiện việc bị cáo N trước khi đi cướp tài sản và sau khi cướp được tài sản thì có nói cho bị cáo T biết hay không? Cho các bị cáo đối chất với nhau về nội dung trao đổi trên điện thoại vào các ngày nói trên? Ngoài đề nghị thu thập, xác minh thông tin chủ thuê bao số 0942200692 có phải là bị cáo Lê V M N là chủ thuê bao hay không? Đồng thời thu thập chi tiết dữ liệu online thể hiện của gọi đi, gọi đến, nội dung tin nhắn đi và đến, về nội dung trao đổi trên điện thoại của số thuê bao 0942200692 với số 0901436550 từ ngày 01/02/2021 đến ngày 28/02/2021.

5. Trong quá trình điều tra, theo tờ tự khai ngày 02/03/2021 (Bút lục 440) thì bị cáo Trương H T thừa nhận do hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm nên bị cáo N có bàn bạc với bị cáo sẽ đi kiếm tiền bằng cách lựa những người phụ nữ đi làm đêm một mình ở trên địa bàn thành phố C T để cướp tài sản do không có tiền tiêu xài nên bị cáo T đồng ý cho bị cáo N đi làm, đồng thời tại tờ tự khai ngày 14/05/2021 (bút lục số 441) và biên bản ghi lời khai ngày 14/05/2021 (Bút lục số 521) bị cáo T xác định đối với vụ bị cáo N đi cướp ngày 19/02/2020 thì trước đó 01 ngày (18/02/2020) có nhắn tin động viên, khích lệ bị cáo N đi cướp tài sản nội dung tin nhắn được thể hiện qua tin nhắn messenger, bị cáo có quan tâm đến việc bị cáo N có cướp được tài sản hay không. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai ngày 18/05/2021 bị cáo xác định biết bị cáo N đi thực hiện hành vi cướp tài sản chỉ có 04 vụ là bị cáo có bàn bạc, thúc giục bị cáo N đi cướp tài sản. Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận nội dung trình bày tại tờ tự khai ngày 02/03/2021 (Bút lục 440) là đúng, thừa nhận sau ngày 10/02/2020 thì bị cáo N có nói sẽ đi kiếm tiền bằng cách lựa những người phụ nữ đi làm đêm một mình ở trên địa bàn thành phố C T để cướp tài sản và bị cáo N cũng thừa nhận lời trình bày này. Mặc khác, tại phiên tòa bị cáo N khai nhận việc đi cướp tài sản là để bị cáo tiêu xài cá nhân và cho bị cáo T tiêu xài cá nhân và mua sữa cho con. Đối chiếu lời khai của bị cáo T, bị cáo N với quá trình thực hiện hành vi phạm tội trong 05 vụ cướp tài sản tại quận C R, quận B T, huyện P Đ của bị cáo N là phù hợp, điều đó cho thấy cả hai bị cáo có sự thống nhất với nhau về ý chí với nhau kiếm tiền bằng cách lựa những người phụ nữ đi làm đêm một mình ở trên địa bàn thành phố C T để cướp tài sản do không có tiền tiêu xài? Mặc khác, trong quá trình bị cáo N đi cướp tài sản bị cáo T có nhắn tin động viên, khích lệ như đã nói trên. Do đó, hành vi của bị cáo Trương H T có vai trò đồng phạm có tổ chức đối với

hành vi phạm tội của bị cáo Lê V M N về tội cướp tài sản. Vì vậy, căn cứ tại khoản 3 Điều 298 Bộ luật hình sự quy định về giới hạn xét xử thì đề nghị Viện kiểm sát nhân dân quận C R truy tố bị cáo Trương H T về tội Cướp tài sản theo điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, xem xét tình tiết định khung có tổ chức đối với bị cáo Lê V M N .

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận C R (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Gấm